

ĐỀ THI TỰ LUẬN

Môn thi: string

Thời gian làm bài: string

(Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu)

PHÂN BỐ CẤP ĐỘ BLOOM:

- Đoạn văn 1: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 2: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 3: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 4: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 5: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 6: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 7: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 8: Cấp độ 1 - Nhớ

CÂU HỎI VÀ CÂU TRẢ LỜI:

Cấp độ 1 - Nhớ

Câu 1: Định nghĩa tâm lý và tâm lý học là gì? (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý được định nghĩa là "tất cả những hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành, điều chỉnh mọi hành vi, hành động, hoạt động của con người." Tâm lý học là "khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lí của con người."

Trích từ đoạn (trang 1): "Tâm lí bao gồm tất cả những hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành, điều chỉnh mọi hành vi, hành động, hoạt động của con người. Khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lí của con người gọi là tâm lí học."

Câu 2: Nêu rõ đối tượng nghiên cứu của tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý, cụ thể là "các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý." Tâm lý học cũng nghiên cứu "sự

hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý."

Trích từ đoạn (trang 1): "Đối tượng của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý. Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý."

Câu 3: Kể tên các nhiệm vụ của tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các nhiệm vụ của tâm lý học bao gồm:

1. Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng.
2. Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý.
3. Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): "Nhiệm vụ của tâm lý học: + Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng. + Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy. + Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý."

Câu 4: Mô tả vị trí của tâm lý học trong mối quan hệ với triết học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học có vị trí quan hệ chặt chẽ với triết học. Điều này cho thấy tâm lý học không chỉ là một lĩnh vực nghiên cứu độc lập mà còn có sự liên kết và ảnh hưởng từ triết học trong việc hiểu biết về các hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): "Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với Triết học."

Câu 5: Trình bày ý nghĩa của tâm lý học trong sự nghiệp giáo dục. (0.05 điểm)

Trả lời:

Ý nghĩa của tâm lý học trong sự nghiệp giáo dục là nó "phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục." Điều này cho thấy tâm lý học đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc hiểu và áp dụng các hiện tượng tâm lý của con người.

Trích từ đoạn (trang 1): "- Phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục."

Câu 6: Nhắc lại các quy luật mà tâm lý học phát hiện trong nghiên cứu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học phát hiện các quy luật hình thành và phát triển tâm lý, bao gồm quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.

Trích từ đoạn (trang 1): “+ Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.”

Câu 7: Liệt kê các hiện tượng tâm lý mà tâm lý học nghiên cứu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học nghiên cứu các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Đối tượng của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý.”

Câu 8: Ghi lại các hoạt động tâm lý mà tâm lý học tìm hiểu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học tìm hiểu các hoạt động tâm lý, bao gồm sự hình thành, vận hành và phát triển của chúng. Cụ thể, tâm lý học nghiên cứu "các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý."

Trích từ đoạn (trang 1): “Đối tượng của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý.”

Câu 9: Tóm tắt lại nội dung chính của đoạn văn về nhiệm vụ của tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Nhiệm vụ của tâm lý học bao gồm nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý, phát hiện các quy luật hình thành và phát triển tâm lý, cũng như tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Nhiệm vụ của tâm lý học: + Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng. + Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển

tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy. + Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.”

Câu 10: Xác định các lĩnh vực mà tâm lý học có ý nghĩa thực tiễn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.

Trích từ đoạn (trang 1): “Có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.”

Câu 11: Kể lại cách mà tâm lý học giải thích các hiện tượng tâm lý của con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học giải thích các hiện tượng tâm lý của con người bằng cách nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng, phát hiện các quy luật hình thành và phát triển tâm lý, cũng như tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Nhiệm vụ của tâm lý học: + Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng. Chẳng hạn, chất lượng tri giác của con người phụ thuộc vào độ chiếu sáng như thế nào, thời gian ghi nhớ một bài học. + Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy. + Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.”

Câu 12: Nhận diện các mối quan hệ của tâm lý học với các ngành khoa học khác. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều ngành khoa học khác. Cụ thể, nó có quan hệ chặt chẽ với Triết học, các ngành khoa học tự nhiên, và các khoa học xã hội và nhân văn.

Trích từ đoạn (trang 1): “- Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với Triết học. - Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với các ngành khoa học tự nhiên. - Tâm lý học có gắn bó hữu cơ với các khoa học xã hội và nhân văn.”

Câu 13: Ghi nhớ các khía cạnh của bản chất hoạt động tâm lý mà tâm lý học nghiên cứu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học nghiên cứu các khía cạnh của bản chất hoạt động tâm lý bao gồm sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý, cũng như bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng. Cụ thể, nó nghiên cứu chất lượng tri giác của con người và các quy luật hình thành, phát triển tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý. Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng.”

Câu 14: Định nghĩa về sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người được định nghĩa là "sự phản ánh hiện thực khách quan vào não con người thông qua “lăng kính chủ quan”." Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt, trong đó "đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất."

Trích từ đoạn (trang 2): “sự phản ánh hiện thực khách quan vào não con người thông qua “lăng kính chủ quan”. Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất.”

Câu 15: Kể tên các thuộc tính của phản ánh trong tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các thuộc tính của phản ánh trong tâm lý bao gồm:

1. Phản ánh là sự tác động qua lại giữa các loại vật chất, kết quả là để lại dấu vết (hình ảnh) tác động ở cả hai hệ thống tác động và chịu sự tác động.
2. Phản ánh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo.
3. Phản ánh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh là thuộc tính chung của mọi sự vật, hiện tượng đang vận động. Phản ánh là sự tác động qua lại giữa các loại vật chất, kết quả là để lại dấu vết (hình ảnh) tác động ở cả hai hệ thống tác động và chịu sự tác động. ... Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo. ... Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 16: Mô tả quá trình phản ánh tâm lý từ đơn giản đến phức tạp. (0.05 điểm)

Trả lời:

Quá trình phản ánh tâm lý diễn ra từ đơn giản đến phức tạp, bắt đầu từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và cuối cùng là phản ánh xã hội, trong đó có phản ánh tâm lý. Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt, là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ con người, tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới. Hình ảnh tâm lý khác với các hình ảnh cơ, lí, hoá sinh vật ở chỗ nó mang tính sinh động, sáng tạo và chịu ảnh hưởng của chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyên hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.”

Câu 17: Nhắc lại các đặc điểm của hình ảnh tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý có các đặc điểm sau:

1. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo. Ví dụ, hình ảnh tâm lý về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”.
2. Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Điều này có nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 18: Nêu ra sự khác biệt giữa hình ảnh tâm lý và hình ảnh vật lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý và hình ảnh vật lý khác nhau ở một số điểm quan trọng. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, trong khi hình ảnh vật lý là hình ảnh "chết cứng". Cụ thể, hình ảnh tâm lý là kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan vào não bộ, và nó chịu ảnh hưởng của chủ thể, nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Ngược lại, hình ảnh vật lý không có tính chủ thể và không thể hiện sự sáng tạo.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh

TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 19: Liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến tính chủ thể trong phản ánh tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến tính chủ thể trong phản ánh tâm lý bao gồm:

1. Sự khác nhau giữa các chủ thể khi nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực khách quan, dẫn đến việc tạo ra những hình ảnh tâm lý với mức độ và sắc thái khác nhau.
2. Sự tác động của cùng một hiện thực khách quan đến một chủ thể duy nhất, có thể tạo ra những hình ảnh tâm lý khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 20: Ghi lại ví dụ về phản ánh cơ học trong cuộc sống hàng ngày. (0.05 điểm)

Trả lời:

Ví dụ về phản ánh cơ học trong cuộc sống hàng ngày là: "nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn".

Trích từ đoạn (trang 2): “VD: nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...”.

Câu 21: Tóm tắt lại nội dung về sự tác động của hiện thực khách quan vào não người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Sự tác động của hiện thực khách quan vào não người được mô tả là một quá trình phản ánh, trong đó tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan thông qua "lăng kính chủ quan". Phản ánh tâm lý là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ, tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới. Hình ảnh tâm lý này khác với các hình ảnh vật lý ở chỗ nó mang tính sinh động, sáng tạo và chịu ảnh hưởng của chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử.”

Câu 22: Xác định các loại phản ánh mà tâm lý học nghiên cứu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học nghiên cứu các loại phản ánh như phản ánh cơ, lí, hoá, phản ánh sinh vật và phản ánh xã hội, trong đó có phản ánh tâm lý. Phản ánh tâm lý được mô tả là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người, tạo ra “hình ảnh tâm lý” về thế giới.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.”

Câu 23: Kể lại cách mà hình ảnh tâm lý được hình thành từ hiện thực khách quan. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý được hình thành từ hiện thực khách quan thông qua quá trình phản ánh. Cụ thể, tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua “lăng kính chủ quan”. Phản ánh tâm lý là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người, tạo ra “hình ảnh tâm lý” về thế giới. Hình ảnh tâm lý khác với các hình ảnh cơ lý hóa sinh vật ở chỗ nó mang tính sinh động, sáng tạo và chịu ảnh hưởng của chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể... Phản ánh tâm lý tạo ra ‘hình ảnh tâm lý’ (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 24: Nhận diện các yếu tố tạo nên hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo được tạo nên bởi hai yếu tố chính. Thứ nhất, hình ảnh tâm lý là kết quả của sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ con người, tạo ra “hình ảnh tâm lý” (bản sao chép) về thế giới. Thứ hai, hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể, nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 25: Ghi nhớ các ví dụ minh họa cho sự phản ánh tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các ví dụ minh họa cho sự phản ánh tâm lý bao gồm: "nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...".

Trích từ đoạn (trang 2): “VD: nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...”.

Câu 26: Đọc lại các khái niệm liên quan đến phản ánh tâm lý trong đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt, đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lý tạo ra “hình ảnh tâm lý” (bản sao chép) về thế giới. Hình ảnh tâm lý là kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan vào não bộ.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: + Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. + Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 27: Nêu rõ cách mà chủ thể ảnh hưởng đến hình ảnh tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Chủ thể ảnh hưởng đến hình ảnh tâm lý thông qua việc phản ánh thế giới khách quan bằng "lăng kính chủ quan" của mình. Điều này có nghĩa là cùng một hiện thực khách quan có thể tạo ra những hình ảnh tâm lý khác nhau ở các chủ thể khác nhau, tùy thuộc vào cách mà mỗi chủ thể tiếp nhận và xử lý thông tin. Cụ thể, "Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ

nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 28: Kể tên các loại hình ảnh tâm lý khác nhau mà con người có thể có. (0.05 điểm)

Trả lời:

Câu 28: Các loại hình ảnh tâm lý khác nhau mà con người có thể có được đề cập trong đoạn văn là hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, và hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 29: Mô phỏng quá trình phản ánh tâm lý từ hiện thực khách quan. (0.05 điểm)

Trả lời:

Quá trình phản ánh tâm lý từ hiện thực khách quan được mô phỏng như sau: Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, trong đó phản ánh tâm lý là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người. Quá trình này tạo ra “hình ảnh tâm lý” về thế giới, và hình ảnh này mang tính sinh động, sáng tạo và chịu ảnh hưởng của chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể... Phản ánh tâm lý tạo ra “hình ảnh tâm lý” (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 30: Nhắc lại các đặc điểm của hình ảnh tâm lý so với hình ảnh vật lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý có các đặc điểm khác biệt so với hình ảnh vật lý như sau:

1. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo. Ví dụ, "hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh 'chết cứng'".
2. Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Điều này có nghĩa là "con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lý thông qua 'lăng kính chủ quan' của mình".

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh ‘chết cứng’ . * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 31: Tìm ra các ví dụ về sự phản ánh tâm lý trong cuộc sống hàng ngày. (0.05 điểm)

Trả lời:

Một ví dụ về sự phản ánh tâm lý trong cuộc sống hàng ngày là hình ảnh tâm lý về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ, mà khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. Điều này cho thấy rằng hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, phản ánh cách mà con người tiếp nhận và hiểu biết thế giới xung quanh thông qua lăng kính chủ quan của mình.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo. VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh ‘chết cứng’.”

Câu 32: Xác định các yếu tố tạo nên sự khác biệt trong hình ảnh tâm lý giữa các chủ thể. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố tạo nên sự khác biệt trong hình ảnh tâm lý giữa các chủ thể bao gồm tính chủ thể và sự ảnh hưởng của "lăng kính chủ quan". Cụ thể, "cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau." Điều này cho thấy rằng mỗi cá nhân sẽ có những hình ảnh tâm lý khác nhau dựa trên cách họ tiếp nhận và phản ánh thế giới xung quanh.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 33: Kể lại nội dung chính về sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người là một quá trình phức tạp, trong đó tâm lý con người được hình thành thông qua sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ. Quá trình này tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới, mang tính sinh

động và sáng tạo, đồng thời chịu ảnh hưởng của chủ thể. Điều này có nghĩa là cùng một hiện thực khách quan có thể được phản ánh khác nhau bởi các chủ thể khác nhau, dẫn đến những hình ảnh tâm lý với mức độ và sắc thái khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lí người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử.”

Câu 34: Ghi lại các khía cạnh của tính lịch sử trong tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.

Trích từ đoạn (trang 2): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 35: Tóm tắt lại nội dung về bản chất xã hội của tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử, phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể. Điều này cho thấy rằng tâm lý không chỉ là sự phản ánh đơn thuần mà còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố xã hội và lịch sử, thể hiện qua cách mà mỗi cá nhân nhận thức và phản ánh thế giới xung quanh mình.

Trích từ đoạn (trang 2): “tâm lí người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử.”

Câu 36: Nhắc lại các ví dụ về phản ánh tâm lý trong đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các ví dụ về phản ánh tâm lý trong đoạn văn bao gồm: "nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ..."

Trích từ đoạn (trang 2): “VD: nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...”

Câu 37: Liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến sự phản ánh tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phản ánh tâm lý bao gồm: sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người, và tính chủ thể của người phản ánh. Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ "cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ

nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 2): "Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Hình ảnh tâm lí mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể."

Câu 38: Ghi nhớ các khái niệm liên quan đến phản ánh trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phản ánh trong tâm lý học liên quan đến việc tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể. Các khái niệm chính bao gồm:

1. Phản ánh là thuộc tính chung của mọi sự vật, hiện tượng đang vận động.
2. Phản ánh tâm lý là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người.
3. Hình ảnh tâm lý là kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan vào não bộ, mang tính sinh động và sáng tạo, cũng như tính chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): "Tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lí người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử. Phản ánh là thuộc tính chung của mọi sự vật, hiện tượng đang vận động. Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất."

Câu 39: Đọc lại các đặc điểm của hình ảnh tâm lý trong đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý có những đặc điểm sau:

1. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, khác với hình ảnh vật lý vật chất. Ví dụ, "hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh 'chết cứng'".
2. Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Điều này thể hiện ở chỗ "cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau".

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh 'chết cứng'. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 40: Nêu rõ các loại phản ánh mà tâm lý học nghiên cứu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học nghiên cứu các loại phản ánh từ đơn giản đến phức tạp, bao gồm phản ánh cơ, lí, hóa, phản ánh sinh vật và phản ánh xã hội, trong đó có phản ánh tâm lý. Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt, đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người, tạo ra “hình ảnh tâm lý” về thế giới.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.”

Câu 41: Kể tên các yếu tố tạo nên hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố tạo nên hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể bao gồm: sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người, và tính chủ thể của hình ảnh tâm lý, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Cụ thể, tính chủ thể này thể hiện ở chỗ "cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lí thông qua “lăng kính chủ quan” của mình.”

Câu 42: Mô tả cách mà hình ảnh tâm lý được hình thành từ hiện thực khách quan. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý được hình thành từ hiện thực khách quan thông qua quá trình phản ánh. Cụ thể, tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua "lăng kính chủ quan". Phản ánh tâm lý là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người, tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới. Hình ảnh tâm lý khác với các hình ảnh cơ lý hóa sinh vật ở chỗ nó mang tính sinh động và sáng tạo, đồng thời chịu ảnh hưởng của chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 43: Nhắc lại các ví dụ về sự tác động qua lại giữa các loại vật chất trong phản ánh. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các ví dụ về sự tác động qua lại giữa các loại vật chất trong phản ánh bao gồm: "nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...".

Trích từ đoạn (trang 2): “VD: nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...”.

Câu 44: Tìm ra các yếu tố tạo nên sự khác biệt trong hình ảnh tâm lý giữa các chủ thể. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố tạo nên sự khác biệt trong hình ảnh tâm lý giữa các chủ thể bao gồm tính chủ thể và lăng kính chủ quan của mỗi người. Cụ thể, "Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 45: Xác định các khía cạnh của phản ánh tâm lý mà tâm lý học nghiên cứu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các khía cạnh của phản ánh tâm lý mà tâm lý học nghiên cứu bao gồm sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới, và tính chất sinh động, sáng tạo của hình ảnh tâm lý. Cụ thể, hình ảnh tâm lý khác với hình ảnh vật lý ở chỗ nó mang tính chủ thể và chịu ảnh hưởng của chủ thể, thể hiện qua việc cùng một hiện thực khách quan có thể tạo ra những hình ảnh tâm lý khác nhau ở các chủ thể khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới. Hình ảnh tâm lí là kết quả của quá trình phản ánh TG khách quan vào não bộ. Song hình ảnh tâm lí khác về chất so với các hình ảnh cơ lí hoá sinh vật ở chỗ: * Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 46: Ghi (0.05 điểm)

Trả lời:

Câu 46: Ghi

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định rằng tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, và phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt, tạo ra “hình ảnh tâm lí” về thế giới. Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo, đồng thời chịu ảnh hưởng của chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Tâm lí người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử. Phản ánh tâm lí tạo ra ‘hình ảnh tâm lí’ (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 47: Định nghĩa về tính chủ thể trong việc phản ánh thế giới của con người là gì? (0.05 điểm)

Trả lời:

Tính chủ thể trong việc phản ánh thế giới của con người được định nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Điều này thể hiện ở việc các chủ thể khác nhau sẽ cho ra những hình ảnh khác nhau về cùng một hiện thực, hoặc một chủ thể duy nhất có thể phản ánh khác nhau ở các thời điểm và hoàn cảnh khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lí thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: ... những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 48: Kể lại cách mà các chủ thể khác nhau có thể nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các chủ thể khác nhau có thể nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực thông qua việc phản ánh bằng hình ảnh tâm lý qua “lăng kính chủ quan” của mình. Điều này thể

hiện ở chỗ, “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 49: Nhắc lại những yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến mức độ biểu hiện và sắc thái tâm lý của một chủ thể. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố có thể ảnh hưởng đến mức độ biểu hiện và sắc thái tâm lý của một chủ thể bao gồm: sự tác động của thế giới (TG) về cùng một hiện thực khách quan (KQ) nhưng với những chủ thể khác nhau, và sự tác động của cùng một hiện thực KQ đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm và hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể và tinh thần khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau. Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy.”

Câu 50: Mô tả cách mà cùng một hiện thực có thể tác động đến một chủ thể duy nhất trong các hoàn cảnh khác nhau. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cùng một hiện thực có thể tác động đến một chủ thể duy nhất trong các hoàn cảnh khác nhau thông qua việc thay đổi thời điểm, hoàn cảnh và trạng thái của chủ thể đó. Điều này dẫn đến việc mức độ biểu hiện và các sắc thái tâm lý khác nhau ở chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy.”

Câu 51: Liệt kê các yếu tố thể hiện tính chủ thể trong việc phản ánh thế giới của con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố thể hiện tính chủ thể trong việc phản ánh thế giới của con người bao gồm:

1. Sự tác động của thế giới đến các chủ thể khác nhau, dẫn đến những hình ảnh tâm lý khác nhau với mức độ và sắc thái khác nhau.
2. Sự tác động của cùng một hiện thực đến một chủ thể duy nhất nhưng vào các thời điểm và hoàn cảnh khác nhau, tạo ra các mức độ biểu hiện và sắc thái tâm lý khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau. Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy.”

Câu 52: Nêu rõ cách mà "lãng kính chủ quan" ảnh hưởng đến việc nhận thức thế giới của con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

"Lãng kính chủ quan" ảnh hưởng đến việc nhận thức thế giới của con người bằng cách cho phép mỗi cá nhân phản ánh thế giới qua hình ảnh tâm lý riêng của mình. Điều này dẫn đến việc cùng một hiện thực khách quan (KQ) có thể được cảm nhận và biểu hiện khác nhau bởi các chủ thể khác nhau, hoặc ngay cả bởi một chủ thể duy nhất nhưng trong những hoàn cảnh và thời điểm khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 53: Tóm tắt lại nội dung chính về tính chủ thể trong đoạn văn này. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tính chủ thể trong đoạn văn này thể hiện qua việc con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua "lãng kính chủ quan" của mình. Điều này dẫn đến việc các chủ thể khác nhau sẽ có những hình ảnh tâm lý khác nhau về cùng một hiện thực, hoặc một chủ thể duy nhất có thể có những biểu hiện và sắc thái khác nhau khi trải nghiệm cùng một hiện thực ở những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 54: Định nghĩa nguồn gốc của tâm lý người theo đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Nguồn gốc của tâm lý người được định nghĩa là có nguồn gốc từ thế giới khách quan (TGKQ), trong đó nguồn gốc xã hội là cái quyết định. Tâm lý người thể hiện ở các mối quan hệ xã hội, và bản chất của tâm lý người là sự tổng hòa các mối quan hệ xã hội đó.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hòa các mối quan hệ XH đó.”

Câu 55: Kể tên các yếu tố cần nghiên cứu khi hình thành và cải tạo tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố cần nghiên cứu khi hình thành và cải tạo tâm lý người bao gồm hoàn cảnh sống và hoạt động của con người, nguyên tắc sát đối tượng trong giáo dục và ứng xử, tổ chức hoạt động và quan hệ giao tiếp, cũng như các mối quan hệ xã hội mà con người tham gia.

Trích từ đoạn (trang 3): “khi nghiên cứu cũng như khi hình thành, cải tạo TL người phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động. TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người. TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người.”

Câu 56: Nhắc lại nguyên tắc sát đối tượng trong dạy học giáo dục theo đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Nguyên tắc sát đối tượng trong dạy học giáo dục nhấn mạnh rằng cần chú ý đến cái riêng trong tâm lý của mỗi người. Cụ thể, đoạn văn nêu rõ: "TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người."

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng

như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người.”

Câu 57: Mô tả bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý người thể hiện qua nhiều khía cạnh. Tâm lý người có nguồn gốc từ thế giới khách quan, trong đó yếu tố xã hội là quyết định. Tâm lý người phản ánh các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, đạo đức, pháp quyền, và các mối quan hệ con người với nhau từ gia đình đến cộng đồng. Nếu một người thoát ly khỏi các mối quan hệ xã hội, tâm lý của họ sẽ mất đi bản tính người. Hơn nữa, tâm lý của mỗi cá nhân là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội và chịu sự ảnh hưởng của lịch sử cá nhân cũng như lịch sử cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “Bản chất XH và tính LS của TL người thể hiện như sau: TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 58: Liệt kê các mối quan hệ xã hội quyết định bản chất tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các mối quan hệ xã hội quyết định bản chất tâm lý người bao gồm: quan hệ kinh tế xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 59: Nêu ra vai trò của hoạt động và giao tiếp trong việc hình thành tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hoạt động và giao tiếp có vai trò quan trọng trong việc hình thành tâm lý người, vì tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội thông qua hoạt động và giao tiếp. Cụ thể, "TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo

dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định."

Trích từ đoạn (trang 3): "TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định."

Câu 60: Tóm tắt lại cách mà tâm lý người khác xa với tâm lý của các loài động vật cao cấp. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người khác xa với tâm lý của các loài động vật cao cấp ở chỗ tâm lý người có bản chất xã hội và mang tính lịch sử. Cụ thể, tâm lý người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội, và nó phản ánh các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, đạo đức, và pháp quyền. Nếu một người thoát ly khỏi các quan hệ xã hội, tâm lý của họ sẽ mất đi bản tính người.

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người khác xa với TL của các loài động vật cao cấp ở chỗ: TL người có bản chất XH và mang tính LS."

Câu 61: Đọc lại và xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến tâm lý của mỗi cá nhân. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến tâm lý của mỗi cá nhân bao gồm các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các mối quan hệ con người với nhau từ gia đình, làng xóm, quê hương đến các quan hệ nhóm và cộng đồng. Những yếu tố này tạo thành bản chất tâm lý của con người, vì "bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó."

Trích từ đoạn (trang 3): "Bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó."

Câu 62: Kể lại cách mà tâm lý của mỗi con người phát triển cùng với lịch sử cá nhân và cộng đồng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý của mỗi con người phát triển cùng với lịch sử cá nhân và cộng đồng thông qua quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo. Tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của hoạt động và giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội, và nó hình thành, phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân,

lịch sử dân tộc và cộng đồng. Tâm lý của mỗi con người cũng chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. TL của mỗi con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.”

Câu 63: Nhắc lại vai trò của giáo dục trong việc hình thành tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành tâm lý người, vì nó là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội và nền văn hóa xã hội thông qua hoạt động và giao tiếp.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo.”

Câu 64: Mô tả cách mà tâm lý người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong xã hội. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong xã hội thông qua việc hình thành và phát triển từ các mối quan hệ xã hội. Cụ thể, tâm lý của mỗi cá nhân được hình thành từ quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, trong đó hoạt động và giao tiếp đóng vai trò quyết định. Điều này cho thấy rằng tâm lý không chỉ là kết quả của các yếu tố cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ môi trường xã hội xung quanh.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH.”

Câu 65: Nêu rõ các yếu tố quyết định tâm lý người theo đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố quyết định tâm lý người theo đoạn văn bao gồm: nguồn gốc xã hội, các mối quan hệ xã hội, hoạt động giao tiếp, và quá trình lĩnh hội kinh nghiệm xã hội. Cụ thể, tâm lý người có nguồn gốc từ "TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định" và "TL người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH".

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. TL người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH.”

Câu 66: Kể tên các mối quan hệ xã hội mà tâm lý người phụ thuộc vào. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người phụ thuộc vào các mối quan hệ xã hội như: "quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng".

Trích từ đoạn (trang 3): “...các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”.

Câu 67: Tìm ra các yếu tố lịch sử ảnh hưởng đến tâm lý của mỗi cá nhân. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố lịch sử ảnh hưởng đến tâm lý của mỗi cá nhân bao gồm lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. Tâm lý của mỗi con người "hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. TL của mỗi con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng."

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. TL của mỗi con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.”

Câu 68: Đọc lại và xác định các yếu tố xã hội quyết định tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố xã hội quyết định tâm lý người bao gồm các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ gia đình, làng xóm, quê hương đến các quan hệ nhóm, cộng đồng. Bản chất tâm lý người là sự tổng hòa của các mối quan hệ xã hội đó.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hòa các mối quan hệ XH đó.”

Câu 69: Kể lại cách mà tâm lý người phản ánh hoàn cảnh sống và hoạt động của con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người phản ánh hoàn cảnh sống và hoạt động của con người thông qua các mối quan hệ xã hội và kinh nghiệm lịch sử. Cụ thể, tâm lý người có nguồn gốc từ hoàn cảnh khách quan, trong đó yếu tố xã hội là quyết định. Tâm lý người được hình thành từ các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, đạo đức, và pháp quyền, cũng như từ các hoạt động giao tiếp trong xã hội. Hơn nữa, tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, trong đó giáo dục đóng vai trò chủ đạo.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 70: Nhắc lại các yếu tố cần chú ý khi nghiên cứu tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Khi nghiên cứu tâm lý người, cần chú ý các yếu tố sau:

1. Nghiên cứu hoàn cảnh sống và hoạt động của con người.
2. Chú ý đến tính chủ thể và nguyên tắc sát đối tượng, cũng như cái riêng trong tâm lý mỗi người.
3. Tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người.

Trích từ đoạn (trang 3): “khi nghiên cứu cũng như khi hình thành, cải tạo TL người phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động. TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người. TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người.”

Câu 71: Mô tả cách mà tâm lý người mang tính chủ thể trong các quan hệ ứng xử. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người mang tính chủ thể trong các quan hệ ứng xử thể hiện qua việc chú ý đến cái riêng trong tâm lý mỗi người và nguyên tắc sát đối tượng. Điều này có nghĩa là trong dạy học giáo dục cũng như trong các quan hệ ứng xử, cần phải xem xét và tôn trọng những đặc điểm cá nhân của từng người.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người.”

Câu 72: Liệt kê các yếu tố xã hội quyết định tâm lý người theo đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố xã hội quyết định tâm lý người theo đoạn văn bao gồm: quan hệ kinh tế xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các mối quan hệ con người với nhau từ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 73: Nêu rõ cách mà tâm lý người là kết quả của quá trình lĩnh hội kinh nghiệm xã hội. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người là kết quả của quá trình lĩnh hội kinh nghiệm xã hội thông qua việc tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội và nền văn hóa xã hội. Cụ thể, tâm lý của mỗi cá nhân được hình thành từ hoạt động và giao tiếp, trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo. Điều này cho thấy rằng hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp trong xã hội có tính quyết định đối với sự hình thành và phát triển tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định.”

Câu 74: Tóm tắt lại nội dung về bản chất xã hội và lịch sử của tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Bản chất xã hội và lịch sử của tâm lý người thể hiện qua việc tâm lý người là sự phản ánh của hoàn cảnh xã hội và kinh nghiệm lịch sử, trong đó nguồn gốc xã hội là yếu tố quyết định. Tâm lý người được hình thành từ các mối quan hệ xã hội và là sản phẩm của hoạt động giao tiếp. Nó cũng phát triển và biến đổi cùng với lịch sử cá nhân và cộng đồng, chịu sự chế ước bởi lịch sử của cả cá nhân và cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “Bản chất XH và tính LS của TL người thể hiện như sau: TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khởi phở cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 75: Đọc lại và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của con người bao gồm hoàn cảnh sống và hoạt động của con người, các mối quan hệ xã hội, và quá trình giao tiếp. Cụ thể, tâm lý con người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội, và nó cũng chịu sự chế ước bởi lịch sử cá nhân và cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH. TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định.”

Câu 76: Kể lại cách mà tâm lý người hình thành và biến đổi theo thời gian. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người hình thành và biến đổi theo thời gian thông qua nhiều yếu tố, bao gồm hoạt động giao tiếp, mối quan hệ xã hội và lịch sử cá nhân. Tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo. Hơn nữa, tâm lý của mỗi người phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng, và nó chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. TL của mỗi con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.”

Câu 77: Nhắc lại vai trò của các quan hệ xã hội trong việc hình thành tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Vai trò của các quan hệ xã hội trong việc hình thành tâm lý người là rất quan trọng, vì tâm lý người được hình thành từ các mối quan hệ xã hội và hoạt động giao tiếp. Cụ thể, "bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó. Trên thực tế, nếu có người thoát ly khỏi các quan hệ XH, quan hệ con người với nhau thì TL sẽ mất đi bản tính người."

Trích từ đoạn (trang 3): "bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó. Trên thực tế, nếu có người thoát ly khỏi các quan hệ XH, quan hệ con người với nhau thì TL sẽ mất đi bản tính người."

Câu 78: Mô tả cách mà tâm lý người phản ánh các mối quan hệ xã hội. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người phản ánh các mối quan hệ xã hội thông qua việc thể hiện bản chất xã hội và lịch sử của nó. Cụ thể, tâm lý người có nguồn gốc từ các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, xã hội, đạo đức, và pháp quyền. Những mối quan hệ này quyết định cách mà tâm lý người được hình thành và phát triển. Nếu một người thoát ly khỏi các mối quan hệ xã hội, tâm lý của họ sẽ mất đi bản tính người.

Trích từ đoạn (trang 3): "Bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó. Trên thực tế, nếu có người thoát ly khỏi các quan hệ XH, quan hệ con người với nhau thì TL sẽ mất đi bản tính người."

Câu 79: Nêu ra các yếu tố quyết định tâm lý người trong các mối quan hệ xã hội. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố quyết định tâm lý người trong các mối quan hệ xã hội bao gồm nguồn gốc xã hội, các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ gia đình đến cộng đồng. Cụ thể, tâm lý người được hình thành từ "các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...".

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH:

quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”.

Câu 80: Kể tên các yếu tố lịch sử ảnh hưởng đến tâm lý của mỗi cá nhân. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố lịch sử ảnh hưởng đến tâm lý của mỗi cá nhân bao gồm lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. Tâm lý của mỗi con người "hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng."

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng.”

Câu 81: Tìm ra các yếu tố xã hội quyết định tâm lý người theo đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố xã hội quyết định tâm lý người theo đoạn văn bao gồm các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ gia đình, làng xóm, quê hương đến các quan hệ nhóm và cộng đồng. Đoạn văn nêu rõ rằng "Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...".

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”.

Câu 82: Đọc lại và xác định các yếu tố cần chú ý khi nghiên cứu tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Khi nghiên cứu tâm lý người, cần chú ý đến các yếu tố sau:

1. Nghiên cứu hoàn cảnh sống và hoạt động của con người.
2. Chú ý đến tính chủ thể và cái riêng trong tâm lý mỗi người.
3. Tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL có nguồn gốc là TGKQ, vì thế khi nghiên cứu cũng như khi hình thành, cải tạo TL người phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động. TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người. TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lí người.”

Câu 83: Kể lại cách mà tâm lý người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong xã hội. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong xã hội thông qua việc hình thành và phát triển từ các mối quan hệ xã hội. Cụ thể, tâm lý của mỗi cá nhân được hình thành từ quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, trong đó giáo dục đóng vai trò chủ đạo. Hoạt động và mối quan hệ giao tiếp của con người trong xã hội có tính quyết định đến sự phát triển của tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH.”

Câu 84: Nhắc lại các yếu tố xã hội quyết định tâm lý người theo đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố xã hội quyết định tâm lý người theo đoạn văn bao gồm: các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ gia đình, làng xóm, quê hương đến các quan hệ nhóm, cộng đồng. Đoạn văn nêu rõ rằng "Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...".

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”.

Câu 85: Mô tả cách mà tâm lý người phản ánh hoàn cảnh sống và hoạt động của con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người phản ánh hoàn cảnh sống và hoạt động của con người thông qua các mối quan hệ xã hội và quá trình giao tiếp. Tâm lý người có nguồn gốc từ hoàn cảnh khách quan, trong đó yếu tố xã hội là quyết định, thể hiện ở các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, đạo đức, và các mối quan hệ con người với nhau. Nếu một người thoát ly khỏi các quan hệ xã hội, tâm lý của họ sẽ mất đi bản tính người.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 86: Liệt kê các yếu tố cần nghiên cứu khi hình thành và cải tạo tâm lý người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố cần nghiên cứu khi hình thành và cải tạo tâm lý người bao gồm: hoàn cảnh sống và hoạt động của con người, nguyên tắc sát đối tượng trong giáo dục và ứng xử, tổ chức hoạt động và quan hệ giao tiếp, bản chất xã hội và lịch sử của tâm lý người, cũng như các mối quan hệ xã hội mà con người tham gia.

Trích từ đoạn (trang 3): “khi nghiên cứu cũng như khi hình thành, cải tạo TL người phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động. TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người. TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người.”

Câu 87: Nêu rõ nguyên tắc sát đối tượng trong dạy học giáo dục theo đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Nguyên tắc sát đối tượng trong dạy học giáo dục nhấn mạnh việc chú ý đến cái riêng trong tâm lý mỗi người. Điều này có nghĩa là trong quá trình dạy học, cần phải xem xét và tôn trọng những đặc điểm, hoàn cảnh và nhu cầu riêng biệt của từng cá nhân học sinh.

Trích từ đoạn (trang 3): “...chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người.”

Câu 88: o (0.05 điểm)

Trả lời:

(Người dùng không cung cấp đủ thông tin để trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 2): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 89: Định nghĩa vai trò của dục trong hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp trong xã hội. (0.05 điểm)

Trả lời:

Dục giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp trong xã hội, có tính quyết định đối với sự hình thành và phát triển của từng cá nhân. Điều này cho thấy rằng, sự phát triển của mỗi con người không chỉ phụ thuộc vào bản thân mà còn bị ảnh hưởng bởi lịch sử cá nhân và cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định.”

Câu 90: Nêu rõ cách thức hình thành và phát triển tư liệu của mỗi con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cách thức hình thành và phát triển tư liệu của mỗi con người là thông qua sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. Tư liệu của mỗi con người "hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng." Ngoài ra, để hình thành và phát triển tư liệu con người, cần phải "tổ chức có hiệu quả hoạt động dạy và học trong giáo dục cũng như các hoạt động chủ đạo ở từng giai đoạn, lứa tuổi khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. TL của mỗi con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng. Kết luận : TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động. Cần phải tổ chức có hiệu quả hoạt động dạy và học trong giáo dục cũng như các hoạt động chủ đạo ở từng giai đoạn, lứa tuổi khác nhau để hình thành, phát triển TL con người.”

Câu 91: Kể lại kết luận về nguồn gốc xã hội của tư liệu con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Kết luận về nguồn gốc xã hội của tư liệu con người là: "TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động."

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động."

Câu 92: Mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tư liệu con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tư liệu con người bao gồm môi trường xã hội, nền văn hóa xã hội, và các quan hệ xã hội mà con người sống và hoạt động. Ngoài ra, sự phát triển tư liệu con người còn chịu sự chế ước bởi lịch sử cá nhân và cộng đồng. Việc tổ chức hiệu quả hoạt động dạy và học trong giáo dục cũng là một yếu tố quan trọng để hình thành và phát triển tư liệu con người.

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động."

Câu 93: Liệt kê các hoạt động cần tổ chức để hình thành tư liệu con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cần tổ chức các hoạt động dạy và học trong giáo dục cũng như các hoạt động chủ đạo ở từng giai đoạn, lứa tuổi khác nhau để hình thành, phát triển tư liệu con người.

Trích từ đoạn (trang 3): "Cần phải tổ chức có hiệu quả hoạt động dạy và học trong giáo dục cũng như các hoạt động chủ đạo ở từng giai đoạn, lứa tuổi khác nhau để hình thành, phát triển TL con người."

Câu 94: Nhắc lại chức năng của tâm lý trong việc định hướng hoạt động. (0.05 điểm)

Trả lời:

Chức năng của tâm lý trong việc định hướng hoạt động là "định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích."

Trích từ đoạn (trang 3): "+ Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích."

Câu 95: Định nghĩa điều khiển và kiểm tra hoạt động trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Điều khiển và kiểm tra hoạt động trong tâm lý học được định nghĩa là việc "Điều khiển, kiểm tra hoạt động bằng chương trình, kế hoạch, phương pháp, phương thức tiến hành" và "Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế."

Trích từ đoạn (trang 4): "Điều khiển, kiểm tra hoạt động bằng chương trình, kế hoạch, phương pháp, phương thức tiến hành. Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế."

Câu 96: Nêu ra các yếu tố cần điều chỉnh trong hoạt động tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố cần điều chỉnh trong hoạt động tâm lý bao gồm việc "Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế."

Trích từ đoạn (trang 4): "Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế."

Câu 97: Kể tên các loại quá trình tâm lý được phân loại trong đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các loại quá trình tâm lý được phân loại trong đoạn văn bao gồm:

1. Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng.
2. Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng.
3. Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.

Trích từ đoạn (trang 4): "Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra."

Câu 98: Trình bày đại ý về các trạng thái tâm lý và đặc điểm của chúng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các trạng thái tâm lý là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, với việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng. Điều này cho thấy rằng các trạng thái tâm lý có tính chất kéo dài và không có sự phân định rõ ràng như các quá trình tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 4): "b) Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng."

Câu 99: Nhắc lại sự khác biệt giữa các thuộc tính tâm lý và các hiện tượng tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các thuộc tính tâm lý là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách. Trong khi đó, các hiện tượng tâm lý được phân loại thành các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và các thuộc tính tâm lý. Các quá trình tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng, trong khi các trạng thái tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.

Trích từ đoạn (trang 4): “các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách. [...] Các quá trình tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng. [...] Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.”

Câu 100: Mô tả các loại quá trình tâm lý và chức năng của chúng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Có ba loại quá trình tâm lý, mỗi loại có chức năng riêng:

1. Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng.
2. Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng.
3. Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.

Trích từ đoạn (trang 4): “Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.”

Câu 101: Liệt kê các cách phân loại hiện tượng tâm lý được đề cập. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các cách phân loại hiện tượng tâm lý được đề cập bao gồm:

1. Các quá trình tâm lý: bao gồm quá trình nhận thức, quá trình xúc cảm, và quá trình ý chí.
2. Các trạng thái tâm lý: diễn ra trong thời gian tương đối dài, với việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.
3. Các thuộc tính tâm lý: mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho

nhân cách.

4. Một số cách phân loại khác: như các hiện tượng tâm lý có ý thức và tâm lý mang tính vô thức, tâm lý tiềm tàng và tâm lý sống động, tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phân loại các hiện tượng tâm lý: a) Các quá trình tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng. Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra. b) Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng. c) Các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách. Ngoài ra, còn một số cách phân loại khác như: Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức, TL tiềm tàng và TL sống động, TL cá nhân và TL XH...”

Câu 102: Kể lại ưu điểm của phương pháp quan sát trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Ưu điểm của phương pháp quan sát trong tâm lý học là nó cho phép thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm.”

Câu 103: Nêu rõ hạn chế của phương pháp quan sát trong nghiên cứu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hạn chế của phương pháp quan sát trong nghiên cứu tâm lý là "mất thời gian, tốn nhiều công sức...".

Trích từ đoạn (trang 4): “Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức...”.

Câu 104: Đọc lại hai hình thức quan sát được sử dụng trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hai hình thức quan sát được sử dụng trong tâm lý học là:

1. Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người

trong những điều kiện bình thường của họ.

2. Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.

Trích từ đoạn (trang 4): “Trong tâm lý học, có thể sử dụng hai hình thức quan sát sau: + Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ. + Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 105: Nhắc lại định nghĩa về quan sát khách quan trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Quan sát khách quan trong tâm lý học được định nghĩa là "sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ."

Trích từ đoạn (trang 4): “+ Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ.”

Câu 106: Kể tên các đặc điểm của tự quan sát trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tự quan sát trong tâm lý học có đặc điểm là "tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân."

Trích từ đoạn (trang 4): “+ Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 107: Mô tả quy trình thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Quy trình thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 108: Nêu ra mục đích của phương pháp thực nghiệm trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Mục đích của phương pháp thực nghiệm trong tâm lý học là để "gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của...".

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.
- Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 109: Kể lại cách thức tác động vào đối tượng trong phương pháp thực nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cách thức tác động vào đối tượng trong phương pháp thực nghiệm là quá trình tác động một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 110: Nhắc lại các biểu hiện mà thực nghiệm có thể gây ra ở đối tượng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Thực nghiệm có thể gây ra ở đối tượng những biểu hiện về "quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của...".

Trích từ đoạn (trang 4): “thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 111: Đọc lại các điều kiện cần thiết để thực hiện một thực nghiệm trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Câu 111: Đọc lại các điều kiện cần thiết để thực hiện một thực nghiệm trong tâm lý học.

Trong đoạn văn không nêu rõ các điều kiện cần thiết để thực hiện một thực nghiệm trong tâm lý học. Tuy nhiên, có thông tin về phương pháp thực nghiệm, cho biết rằng "Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy

luật, cơ cấu, cơ chế của...".

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 112: Liệt kê các yếu tố cần xem xét khi áp dụng phương pháp thực nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.

Trích từ đoạn (trang 4): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 113: Nêu rõ vai trò của phương pháp quan sát trong việc thu thập tài liệu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp quan sát có vai trò quan trọng trong việc thu thập tài liệu tâm lý vì nó cho phép thu thập các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người. Điều này mang lại nhiều ưu điểm cho nghiên cứu tâm lý. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những hạn chế như mất thời gian và tốn nhiều công sức.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm. Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức...”

Câu 114: Kể lại các hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian ngắn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian ngắn bao gồm các quá trình tâm lý, cụ thể là: quá trình nhận thức, quá trình xúc cảm và quá trình ý chí.

Trích từ đoạn (trang 4): “Các quá trình tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng. Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.”

Câu 115: Nhắc lại các hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian dài. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian dài được phân loại là các trạng thái tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 4): “b) Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.”

Câu 116: Mô tả các hiện tượng tâm lý mang tính ổn định. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các hiện tượng tâm lý mang tính ổn định được mô tả là "các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách."

Trích từ đoạn (trang 4): “các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.”

Câu 117: Nêu ra các hiện tượng tâm lý có ý thức và vô thức. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các hiện tượng tâm lý có ý thức và vô thức được đề cập trong đoạn văn là: "Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức, TL tiềm tàng và TL sống động, TL cá nhân và TL XH...".

Trích từ đoạn (trang 4): “Ngoài ra, còn một số cách phân loại khác như: Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức, TL tiềm tàng và TL sống động, TL cá nhân và TL XH...”.

Câu 118: Kể tên các hiện tượng tâm lý cá nhân và xã hội. (0.05 điểm)

Trả lời:

Câu 118: Các hiện tượng tâm lý cá nhân và xã hội được phân loại trong đoạn văn là "các hiện tượng TL cá nhân và TL XH".

Trích từ đoạn (trang 4): “Ngoài ra, còn một số cách phân loại khác như: Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức, TL tiềm tàng và TL sống động, TL cá nhân và TL XH...”.

Câu 119: Đọc lại các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập trong đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập trong đoạn văn bao gồm:

1. Phương pháp quan sát: Đây là phương pháp cho phép thu thập tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người. Nó có hai hình thức là quan sát khách quan và tự quan sát.

2. Phương pháp thực nghiệm: Đây là phương pháp có hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý, cho phép tác động vào đối tượng một cách chủ động trong những điều kiện đã được khống chế.

Về ưu điểm, phương pháp quan sát cho phép thu thập thông tin trong điều kiện tự nhiên, nhưng cũng có hạn chế là mất thời gian và tốn nhiều công sức. Phương pháp thực nghiệm được cho là có nhiều hiệu quả nhưng không có thông tin cụ thể về hạn chế của nó trong đoạn văn.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm. Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức... Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.”

Câu 120: Nhắc lại các điều kiện tự nhiên mà phương pháp quan sát áp dụng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp quan sát áp dụng trong các điều kiện tự nhiên của con người, cho phép thu thập các tài liệu cụ thể, khách quan.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người.”

Câu 121: Kể lại cách thức thu thập tài liệu trong phương pháp quan sát. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cách thức thu thập tài liệu trong phương pháp quan sát bao gồm việc sử dụng quan sát khách quan và tự quan sát. Quan sát khách quan là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ, trong khi tự quan sát là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.

Trích từ đoạn (trang 4): “Trong tâm lý học, có thể sử dụng hai hình thức quan sát sau: + Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người

trong những điều kiện bình thường của họ. + Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 122: Nêu rõ mục đích của việc sử dụng phương pháp tự quan sát. (0.05 điểm)

Trả lời:

Mục đích của việc sử dụng phương pháp tự quan sát là để tự thể nghiệm và tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.

Trích từ đoạn (trang 4): “+ Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 123: Mô tả cách thức thực hiện quan sát khách quan trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cách thức thực hiện quan sát khách quan trong tâm lý học là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ. Phương pháp này cho phép thu thập các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người.

Trích từ đoạn (trang 4): “+ Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ.”

Câu 124: Liệt kê các ưu điểm của phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý có nhiều ưu điểm, bao gồm khả năng tác động vào đối tượng một cách chủ động và thực hiện trong những điều kiện đã được khống chế. Điều này giúp gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.
- Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 125: Nhắc lại các hạn chế của phương pháp thực nghiệm trong tâm lý học. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 4): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 126: Kể tên các loại quá trình tâm lý và chức năng của chúng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Có ba loại quá trình tâm lý và chức năng của chúng như sau:

1. Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng.
2. Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng.
3. Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.

Trích từ đoạn (trang 4): “Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.”

Câu 127: Nêu rõ các trạng thái tâm lý và đặc điểm của chúng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các trạng thái tâm lý là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, với việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.

Trích từ đoạn (trang 4): “b) Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.”

Câu 128: Mô tả các thuộc tính tâm lý và vai trò của chúng trong nhân cách. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các thuộc tính tâm lý là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách. Vai trò của chúng trong nhân cách là rất quan trọng, vì chúng giúp định hình cách mà một cá nhân tương tác với thế giới xung quanh và phản ứng với các tình huống khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 4): “Các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.”

Câu 129: Kể lại các hiện tượng tâm lý tiềm tàng và sống động. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các hiện tượng tâm lý tiềm tàng và sống động được phân loại trong tâm lý học. Tuy nhiên, đoạn văn không cung cấp thông tin chi tiết về các hiện tượng này.

Trích từ đoạn (trang 4): “Ngoài ra, còn một số cách phân loại khác như: Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức, TL tiềm tàng và TL sống động, TL cá nhân và TL XH...”

Câu 130: Nhắc lại các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tư liệu con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 4): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 131: Nêu ra các hoạt động cần tổ chức để hình thành tư liệu con người. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 4): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 132: Đọc lại các hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian ngắn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian ngắn được phân loại thành các quá trình tâm lý, bao gồm: quá trình nhận thức, quá trình xúc cảm và quá trình ý chí. Những quá trình này có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng.

Trích từ đoạn (trang 4): “Các quá trình tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng. Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.”

Câu 133: Nêu rõ các hiện tượng tâm lý có ý thức và vô thức. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các hiện tượng tâm lý có ý thức và vô thức được phân loại trong tâm lý học. Tuy nhiên, đoạn văn không cung cấp thông tin chi tiết về các hiện tượng cụ thể này. Nó chỉ đề cập

đến việc phân loại các hiện tượng tâm lý, trong đó có "các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức".

Trích từ đoạn (trang 4): “Ngoài ra, còn một số cách phân loại khác như: Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức, TL tiềm tàng và TL sống động, TL cá nhân và TL XH...”

Câu 134: Định nghĩa tự quan sát là gì? (0.05 điểm)

Trả lời:

Tự quan sát được định nghĩa là "tự thử nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân."

Trích từ đoạn (trang 4): “Tự quan sát: là tự thử nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 135: Mô tả quá trình thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Quá trình thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý là một phương pháp có hiệu quả, trong đó thực nghiệm được mô tả là "quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng". Phương pháp này cho phép lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 136: Kể lại các đặc điểm của phương pháp thực nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm có nhiều đặc điểm quan trọng. Đầu tiên, nó là một quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế. Thứ hai, phương pháp này giúp gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng. Cuối cùng, các hiện tượng cần nghiên cứu có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và được đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan.

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.

- Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 137: Nêu rõ mục đích của việc thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Mục đích của việc thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý là để tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, nhằm gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, và có thể lặp đi lặp lại nhiều lần để đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 138: Liệt kê các yếu tố cần khống chế trong phương pháp thực nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.”

Câu 139: Nhắc lại cách thức đo đạc và định lượng trong thực nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cách thức đo đạc và định lượng trong thực nghiệm được thực hiện thông qua quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện

về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 140: Kể tên hai loại thực nghiệm cơ bản được đề cập trong đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hai loại thực nghiệm cơ bản được đề cập trong đoạn văn là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên.

Trích từ đoạn (trang 5): “Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên.”

Câu 141: Nêu ra sự khác biệt giữa thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 5): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 142: Đọc lại định nghĩa về phương pháp trắc nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm (Test) được định nghĩa là "một phép thử để 'đo lường' tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu."

Trích từ đoạn (trang 5): “Test là một phép thử để 'đo lường' tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu.”

Câu 143: Mô tả ưu điểm của phương pháp trắc nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Ưu điểm của phương pháp trắc nghiệm bao gồm khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test, khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ, và khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.

Trích từ đoạn (trang 5): “Ưu điểm: - Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. - Có khả năng tiến hành nhanh,

tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ... - Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.”

Câu 144: Nhắc lại hạn chế của phương pháp trắc nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Hạn chế của phương pháp trắc nghiệm là "Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định."

Trích từ đoạn (trang 5): “Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.”

Câu 145: Kể lại cách thức thực hiện một bài test tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Để thực hiện một bài test tâm lý, người ta sử dụng phương pháp trắc nghiệm, trong đó test được coi là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Bài test có thể được tiến hành nhanh chóng và tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ... và có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test.

Tuy nhiên, việc soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá là một thách thức, và test chủ yếu chỉ cung cấp kết quả mà ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Do đó, cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. [...] Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ... [...] Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.”

Câu 146: Nêu rõ mục đích của phương pháp điều tra trong nghiên cứu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Mục đích của phương pháp điều tra trong nghiên cứu tâm lý là thu thập ý kiến chủ quan của một số lớn đối tượng nghiên cứu về một vấn đề nào đó. Phương pháp này có thể được

thực hiện thông qua việc đặt ra một số câu hỏi nhất loạt, và các đối tượng có thể trả lời bằng cách viết hoặc nói.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.”

Câu 147: Liệt kê các hình thức trả lời trong phương pháp điều tra. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các hình thức trả lời trong phương pháp điều tra bao gồm trả lời viết và trả lời miệng.

Trích từ đoạn (trang 5): “Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.”

Câu 148: Đọc lại định nghĩa về phương pháp đàm thoại. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp đàm thoại là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 149: Mô tả cách thức thu thập thông tin trong phương pháp đàm thoại. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cách thức thu thập thông tin trong phương pháp đàm thoại là thông qua việc đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 150: Kể lại cách mà phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động được sử dụng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động được sử dụng bằng cách dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 151: Nêu ra mục đích của phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân. (0.05 điểm)

Trả lời:

Mục đích của phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 152: Nhắc lại cách mà tài liệu lịch sử được sử dụng trong nghiên cứu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Tài liệu lịch sử được sử dụng trong nghiên cứu tâm lý thông qua phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân, cụ thể là "phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu."

Trích từ đoạn (trang 5): “Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 153: Kể tên các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập trong đoạn văn. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập trong đoạn văn bao gồm: thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, thực nghiệm tự nhiên, phương pháp trắc nghiệm, phương pháp điều tra, phương pháp đàm thoại, phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động, và phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân.

Trích từ đoạn (trang 5): “Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên. ... 3. Phương pháp trắc nghiệm (Test) ... 4. Phương pháp điều tra ... 5. Phương pháp đàm thoại: ... 6. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động ... 7. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân.”

Câu 154: Đọc lại các đặc điểm của phương pháp điều tra. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Phương pháp này có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại. Nó có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại. Có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh...”

Câu 155: Nêu rõ cách thức thực hiện phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 156: Mô tả quy trình thực hiện phương pháp đàm thoại. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp đàm thoại là quy trình đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 157: Kể lại các bước trong phương pháp điều tra thăm dò chung. (0.05 điểm)

Trả lời:

Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.”

Câu 158: Nhắc lại cách thức thu thập ý kiến chủ quan trong phương pháp điều tra. (0.05 điểm)

Trả lời:

Cách thức thu thập ý kiến chủ quan trong phương pháp điều tra là sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu. Các đối tượng có thể trả lời bằng cách viết hoặc bằng miệng, và có người ghi lại.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.”

Câu 159: Liệt kê các loại câu hỏi có thể sử dụng trong phương pháp điều tra. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra có thể sử dụng các loại câu hỏi nhằm thu thập ý kiến chủ quan của đối tượng nghiên cứu. Câu hỏi có thể được trả lời bằng cách viết hoặc bằng miệng.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.”

Câu 160: Nêu rõ cách mà phương pháp trắc nghiệm có thể lượng hoá tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm có thể lượng hoá tâm lý thông qua việc "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Cụ thể, test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test, và có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.

Tuy nhiên, phương pháp này cũng có hạn chế, như khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá và chủ yếu chỉ cho kết quả mà ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo

được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.”

Câu 161: Kể lại các yếu tố cần xem xét khi soạn thảo một bộ test. (0.05 điểm)

Trả lời:

Khi soạn thảo một bộ test, cần xem xét các yếu tố như khả năng chuẩn hoá, khả năng bộc lộ hiện tượng tâm lý qua hành động giải bài tập test, và sự đơn giản trong việc tiến hành. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng việc soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá là khó khăn và test chủ yếu chỉ cho kết quả mà ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể.

Trích từ đoạn (trang 5): “Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.”

Câu 162: Nhắc lại cách mà phương pháp thực nghiệm có thể đo đặc hiện tượng tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm có thể đo đặc hiện tượng tâm lý thông qua việc sử dụng các loại thực nghiệm cơ bản như thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên. Cụ thể, phương pháp trắc nghiệm (Test) cho phép "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu, với ưu điểm là "có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test" và "có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo". Tuy nhiên, cũng có hạn chế là "khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá" và "test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả".

Trích từ đoạn (trang 5): “Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo. Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.”

Câu 163: Mô tả cách mà sản phẩm hoạt động mang dấu vết của người tạo ra nó. (0.05 điểm)

Trả lời:

Sản phẩm hoạt động mang dấu vết của người tạo ra nó thông qua phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động, trong đó "sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó". Phương pháp này cho phép nghiên cứu gián tiếp các quá trình và thuộc tính tâm lý của cá nhân thông qua kết quả vật chất mà họ tạo ra.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 164: Kể tên các phương pháp nghiên cứu tâm lý khác nhau được đề cập. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các phương pháp nghiên cứu tâm lý khác nhau được đề cập bao gồm: thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, thực nghiệm tự nhiên, phương pháp trắc nghiệm, phương pháp điều tra, phương pháp đàm thoại, phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động, và phương pháp nghiên cứu tiêu sử cá nhân.

Trích từ đoạn (trang 5): “Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên. 3. Phương pháp trắc nghiệm (Test)... 4. Phương pháp điều tra... 5. Phương pháp đàm thoại... 6. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động... 7. Phương pháp nghiên cứu tiêu sử cá nhân...”

Câu 165: Nêu rõ cách mà phương pháp điều tra có thể đi sâu vào một số khía cạnh. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra có thể đi sâu vào một số khía cạnh thông qua việc sử dụng các câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Cụ thể, phương pháp này có thể được thực hiện dưới hình thức điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề.

Trích từ đoạn (trang 5): “Có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh...”.

Câu 166: Nhắc lại cách mà phương pháp đàm thoại có thể thu thập thêm thông tin. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp đàm thoại có thể thu thập thêm thông tin bằng cách "đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu."

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 167: Kể lại các đặc điểm của phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 168: Nêu ra các yếu tố cần thiết để thực hiện một cuộc điều tra hiệu quả. (0.05 điểm)

Trả lời:

Để thực hiện một cuộc điều tra hiệu quả, cần có một số yếu tố như việc sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Cách thức trả lời có thể là viết hoặc miệng, và có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại. Có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh...”

Câu 169: Mô tả cách mà phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động giúp nghiên cứu tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động giúp nghiên cứu tâm lý bằng cách dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình và thuộc tính tâm lý của cá nhân. Điều này được thực hiện bởi vì sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 170: Kể lại cách mà phương pháp thực nghiệm có thể lặp đi lặp lại. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 5): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 171: Nhắc lại các điều kiện cần thiết để thực hiện phương pháp thực nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 5): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 172: Nêu rõ cách mà phương pháp trắc nghiệm có thể bộc lộ hiện tượng tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm có thể bộc lộ hiện tượng tâm lý thông qua việc "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Cụ thể, test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test.

Tuy nhiên, phương pháp này cũng có hạn chế, đó là "test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả." Điều này cho thấy mặc dù phương pháp trắc nghiệm có thể bộc lộ hiện tượng tâm lý, nhưng nó không hoàn toàn phản ánh quá trình tư duy của người tham gia.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. [...] Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.”

Câu 173: Kể tên các công cụ có thể sử dụng trong phương pháp trắc nghiệm. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các công cụ có thể sử dụng trong phương pháp trắc nghiệm bao gồm giấy, bút, và tranh vẽ.

Trích từ đoạn (trang 5): “Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ...”.

Câu 174: Mô tả cách mà phương pháp điều tra có thể thu thập ý kiến từ một số lớn đối tượng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra có thể thu thập ý kiến từ một số lớn đối tượng bằng cách sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho họ. Cách thức này cho phép thu thập ý kiến chủ quan của đối tượng nghiên cứu về một vấn đề nào đó, với khả năng trả lời bằng văn bản hoặc miệng.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.”

Câu 175: Nhắc lại cách mà phương pháp đàm thoại có thể giúp thu thập thông tin. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp đàm thoại có thể giúp thu thập thông tin bằng cách "đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu."

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 176: Kể lại các bước trong quy trình thực hiện phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 177: Nêu rõ cách mà phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân có thể cung cấp thông tin. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân có thể cung cấp thông tin bằng cách dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu. Điều này cho phép các nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn về quá trình phát triển tâm lý và các yếu tố ảnh hưởng đến cá nhân trong suốt cuộc đời họ.

Trích từ đoạn (trang 5): “Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 178: Mô tả cách mà phương pháp thực nghiệm có thể xác định quan hệ nhân quả. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 5): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 179: Kể lại cách mà phương pháp điều tra có thể được thực hiện bằng hình thức viết hoặc miệng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra có thể được thực hiện bằng hình thức viết hoặc miệng. Cụ thể, "Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại."

Trích từ đoạn (trang 5): “Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.”

Câu 180: Nhắc lại cách mà phương pháp trắc nghiệm có thể tiến hành nhanh chóng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm có thể tiến hành nhanh chóng và tương đối đơn giản bằng cách sử dụng giấy, bút, tranh vẽ...

Trích từ đoạn (trang 5): “Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ...”.

Câu 181: Nêu rõ cách mà phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động giúp hiểu rõ hơn về tâm lý cá nhân. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động giúp hiểu rõ hơn về tâm lý cá nhân bằng cách nghiên cứu gián tiếp các quá trình và thuộc tính tâm lý thông qua kết quả vật chất mà cá nhân tạo ra. Sản phẩm này mang dấu vết của người tạo ra nó, cho phép các nhà nghiên cứu suy luận về tâm lý của cá nhân dựa trên những gì họ đã sản xuất.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 182: Kể tên các loại hình thức trả lời trong phương pháp điều tra. (0.05 điểm)

Trả lời:

Các loại hình thức trả lời trong phương pháp điều tra bao gồm trả lời viết và trả lời miệng.

Trích từ đoạn (trang 5): “Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.”

Câu 183: Mô tả cách mà phương pháp đàm thoại có thể giúp làm rõ vấn đề nghiên cứu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp đàm thoại có thể giúp làm rõ vấn đề nghiên cứu bằng cách đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu. Điều này cho phép nhà nghiên cứu có được cái nhìn sâu sắc hơn về quan điểm và ý kiến của đối tượng.

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 184: Nhắc lại cách mà phương pháp thực nghiệm có thể đo đạc hiện tượng tâm lý một cách khách quan. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm có thể đo đạc hiện tượng tâm lý một cách khách quan thông qua việc sử dụng các phép thử chuẩn hoá, cho phép hiện tượng tâm lý được bộc lộ qua hành động giải bài tập test. Điều này giúp lượng hoá và chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo. Tuy nhiên, một hạn chế của phương pháp này là khó khăn trong việc soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá và test chủ yếu chỉ cung cấp kết quả mà ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. [...] Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.”

Câu 185: Kể lại các yếu tố cần thiết để thực hiện một cuộc điều tra thành công. (0.05 điểm)

Trả lời:

Để thực hiện một cuộc điều tra thành công, cần có một số yếu tố như sau: sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Cuộc điều tra có thể được thực hiện qua trả lời viết hoặc trả lời miệng, và có thể là điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại. Có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh...”

Câu 186: Nêu rõ cách mà phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân có thể giúp hiểu rõ hơn về đối tượng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân có thể giúp hiểu rõ hơn về đối tượng bằng cách dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu. Điều này cho phép nhà nghiên cứu có cái nhìn sâu sắc hơn về bối cảnh và quá trình phát triển tâm lý của cá nhân đó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 187: Mô tả cách mà phương pháp trắc nghiệm có thể giúp đo lường tâm lý một cách chuẩn hoá. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm giúp đo lường tâm lý một cách chuẩn hoá thông qua việc "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Nó có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test, đồng thời có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo. Tuy nhiên, một hạn chế của phương pháp này là khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá và test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. [...] Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm

lý cần đo. [...] Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.”

Câu 188: Kể lại cách mà phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động có thể giúp nghiên cứu gián tiếp. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động giúp nghiên cứu gián tiếp các quá trình và thuộc tính tâm lý của cá nhân thông qua việc dựa vào kết quả vật chất, vì sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 189: Nhắc lại cách mà phương pháp điều tra có thể thu thập ý kiến chủ quan từ đối tượng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra có thể thu thập ý kiến chủ quan từ đối tượng bằng cách sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu. Cách thức này cho phép thu thập ý kiến của họ về một vấn đề nào đó, có thể trả lời viết hoặc miệng.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.”

Câu 190: Nêu rõ cách mà phương pháp đàm thoại có thể giúp thu thập thông tin bổ sung. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp đàm thoại có thể giúp thu thập thông tin bổ sung bằng cách đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 191: Kể lại cách mà phương pháp thực nghiệm có thể giúp xác định cơ chế của hiện tượng tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Người ta không cung cấp thông tin cụ thể về phương pháp thực nghiệm trong đoạn văn, vì vậy không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 5): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 192: Nhắc lại cách mà phương pháp trắc nghiệm có thể giúp bộc lộ hiện tượng tâm lý qua hành động. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm có thể giúp bộc lộ hiện tượng tâm lý qua hành động bằng cách "làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test."

Trích từ đoạn (trang 5): “Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test.”

Câu 193: Nêu rõ cách mà phương pháp điều tra có thể giúp thu thập thông tin từ nhiều đối tượng khác nhau. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra có thể giúp thu thập thông tin từ nhiều đối tượng khác nhau bằng cách sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Phương pháp này cho phép thu thập ý kiến từ nhiều người, có thể trả lời viết hoặc miệng, và có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.”

Câu 194: Kể lại cách mà phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động có thể giúp hiểu rõ hơn về quá trình tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động giúp hiểu rõ hơn về quá trình tâm lý bằng cách nghiên cứu gián tiếp các quá trình và thuộc tính tâm lý của cá nhân thông qua kết quả vật chất mà họ tạo ra. Điều này là do sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 195: Nhắc lại cách mà phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân có thể giúp cung cấp thông tin lịch sử về đối tượng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân có thể giúp cung cấp thông tin lịch sử về đối tượng thông qua việc dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 196: Nêu rõ cách mà phương pháp đàm thoại có thể giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghiên cứu. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp đàm thoại có thể giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghiên cứu bằng cách đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu. Điều này cho phép nhà nghiên cứu có được cái nhìn sâu sắc hơn về quan điểm và ý kiến của đối tượng.

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 197: Kể lại cách mà phương pháp thực nghiệm có thể giúp xác định tính quy luật của hiện tượng tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

(Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên. Tuy nhiên, đoạn văn không cung cấp thông tin cụ thể về cách mà phương pháp thực nghiệm giúp xác định tính quy luật của hiện tượng tâm lý. Do đó, không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.)

Trích từ đoạn (trang 5): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 198: Nhắc lại cách mà phương pháp trắc nghiệm có thể giúp đo lường tâm lý một cách khách quan. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm giúp đo lường tâm lý một cách khách quan thông qua việc "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Nó có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test, và có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo. Tuy nhiên, một hạn chế của

phương pháp này là khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá và test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo. Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.”

Câu 199: Nêu rõ cách mà phương pháp điều tra có thể giúp thu thập ý kiến từ một số lượng lớn đối tượng. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra có thể giúp thu thập ý kiến từ một số lượng lớn đối tượng bằng cách sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho họ. Điều này cho phép thu thập ý kiến chủ quan của nhiều người về một vấn đề nào đó. Cách thức trả lời có thể là viết hoặc miệng, và có thể thực hiện điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh.

Trích từ đoạn (trang 5): “Phương pháp điều tra là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.”

Câu 200: Kể lại cách mà phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động có thể giúp nghiên cứu các thuộc tính tâm lý. (0.05 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động giúp nghiên cứu các thuộc tính tâm lý của cá nhân bằng cách dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình tâm lý. Điều này có nghĩa là sản phẩm mà cá nhân tạo ra sẽ mang dấu vết của người tạo ra nó, từ đó có thể suy luận về các thuộc tính tâm lý của họ.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”